

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Advanced touchscreen panel, Harmony GTO, 3.5 Color Touch QVGA TFT, coated display

HMIGTO1300FC

⚠ Ngừng sản xuất vào: 4 thg 5, 2023

⚠ Ngừng sản xuất

Main

Range Of Product	Harmony GTO
Product Or Component Type	Advanced touchscreen panel
Display Colour	65536 colours
Display Size	3.5 inch
Supply	External source
Control Button Type	6 operation defined using Vijeo Designer push-button key F1...F6
Battery Type	Lithium battery for internal RAM, autonomy: 100 days, charging time = 5 day(s), battery life = 10 year(s)

Complementary

Terminal Type	Touchscreen display
Display Type	Backlit colour TFT LCD
Display Resolution	320 x 240 pixels QVGA
Touch Sensitive Zone	1024 x 1024
Touch Panel	Resistive film, 1000000 cycles
Backlight Lifespan	50000 hours white at 25 °C
Brightness	16 levels - control by touch panel 16 levels - control by software
Character Font	Taiwanese (traditional Chinese) ASCII (European characters) Korean Japanese (ANK, Kanji) Chinese (simplified Chinese)
[Us] Rated Supply Voltage	24 V DC
Supply Voltage Limits	19.2...28.8 V
Inrush Current	30 A
Maximum Power Consumption In W	5.2 W when power is not supplied to external devices 4.2 W when backlight is OFF 4.3 W when backlight is dimmed 9.6 W
Local Signalling	Status LED green, steady for offline Status LED green, steady for operating Status LED orange, flashing for software starting up Status LED red, steady for power supply (ON) Status LED clear, faded for power supply (OFF)
Software Designation	Vijeo Designer configuration software >= V6.1
Memory Description	Flash EPROM, 64 MB

Data Backed Up	128 kB internal RAM (SRAM)
Downloadable Protocols	Schneider Electric Modicon Modbus Schneider Electric Modicon Uni-TE Schneider Electric Modicon Modbus Plus Schneider Electric Modicon FIPWAY Mitsubishi Melsec third party protocols Omron Sysmac third party protocols Rockwell Automation Allen-Bradley third party protocols Siemens Simatic third party protocols
Integrated Connection Type	COM1 serial link SUB-D 9, interface: RS232C, transmission rate: 2400...115200 bps COM2 serial link RJ45, interface: RS485, transmission rate: 2400...115200 bps COM2 serial link RJ45, interface: RS485, transmission rate: 187.5 kbps compatible with Siemens MPI USB 2.0 type A USB 2.0 type mini B
Product Mounting	Flush mounting
Fixing Mode	By 4 screw clamps
Front Material	PPT
Enclosure Material	PPT
Type Of Cooling	Natural convection
Width	132 mm
Height	106 mm
Depth	42 mm
Net Weight	0.4 kg

Environment

Standards	EN 61131-2 IEC 61000-6-2 UL 508
Product Certifications	C-Tick KCC CE cULus UKCA UKEX
Ambient Air Temperature For Operation	0...50 °C
Ambient Air Temperature For Storage	-20...60 °C
Relative Humidity	10...90 % without condensation
Operating Altitude	< 2000 m
Ip Degree Of Protection	IP20 (rear panel) conforming to IEC 60529 IP65 (front panel) conforming to IEC 60529
Nema Degree Of Protection	NEMA 4X front panel (indoor use)
Shock Resistance	147 m/s ² 3 chocks in each direction X, Y and Z conforming to EN/IEC 61131-2
Vibration Resistance	9.8 m/s ² (f = 9...150 Hz) - X, Y, Z directions for 10 cycles (approx. 100 min) - conforming to EN/IEC 61131-2 3.5 mm (f = 5...9 Hz) - X, Y, Z directions for 10 cycles (approx. 100 min) - conforming to EN/IEC 61131-2
Resistance To Electrostatic Discharge	6 kV contact discharge conforming to IEC 61000-4-2 level 3

Packing Units

Unit Type Of Package 1	PCE
Number Of Units In Package 1	1

Package 1 Height	12.5 cm
Package 1 Width	18.5 cm
Package 1 Length	21.5 cm
Package 1 Weight	745.0 g
Unit Type Of Package 2	S03
Number Of Units In Package 2	4
Package 2 Height	30.0 cm
Package 2 Width	30.0 cm
Package 2 Length	40.0 cm
Package 2 Weight	2.988 kg

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch [RoHS/REACH](#)

Hiệu suất sức khỏe

Reach Free Of Svhc

Rohs Exemption Information [Yes](#)

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation

[REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive

Pro-active compliance (Product out of EU RoHS legal scope)

[EU RoHS Declaration](#)

China Rohs Regulation

[China RoHS declaration](#)

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

Weee

The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

Circularity Profile

[End of Life Information](#)